

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27/8/2025

“v/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rễn;
2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-DS ngày 20/8/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Trần Văn D, sinh năm 1972 (CCCD 072072010550 ngày 28/02/2023). Địa chỉ: Ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã P, tỉnh Tây Ninh). Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* bà Hà Thị Ngọc M, sinh năm 1975 (CCCD 072174002872 ngày 01/4/2019). Địa chỉ: Ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã P, tỉnh Tây Ninh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2025 và bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn D đã trình bày:

- Về mối quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hà Thị Ngọc M tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã P, tỉnh Tây Ninh) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61 ngày 25/8/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình. Bà M bỏ nhà đi từ năm 2025 cho đến nay và không có nguyện vọng hòa giải, hàn gắn. Ông nhận thấy tình cảm giữa ông và bà M không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hòa giải, hàn gắn được. Do đó, ông yêu cầu được ly hôn với bà Hà Thị Ngọc M.

- Về con chung: Ông và bà Hà Thị Ngọc M có 01 con chung tên Trần Văn L, sinh ngày 23/01/2013, hiện nay đang sinh sống với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà M không có nợ chung.

Bị đơn – bà Hà Thị Ngọc M: Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà M không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo qui định pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn D đối với bà Hà Thị Ngọc M.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Văn L, sinh ngày 23/01/2013 cho ông Trần Văn D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông D không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Trần Văn D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ông Trần Văn D trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông Trần Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hà Thị Ngọc M không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Trần Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Hà Thị Ngọc M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Hà Thị Ngọc M có nơi cư trú tại xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là xã P, tỉnh Tây Ninh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh được quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Trần Văn D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Trần Văn D. Đối với bà Hà Thị Ngọc M vắng mặt nhưng không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Hà Thị Ngọc M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, ông Trần Văn D và bà Hà Thị Ngọc M tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã T, tỉnh

Tây Ninh (nay là UBND xã P, tỉnh Tây Ninh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61 ngày 25/8/2004 nên hôn nhân giữa ông Trần Văn D và bà Hà Thị Ngọc M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn D: Ông D trình bày, ông và bà M sống hạnh phúc đến năm 2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã mất hạnh phúc gia đình, vợ chồng ly thân từ năm 2025 đến nay. Xét thấy, lời trình bày của ông D là phù hợp với lời khai của người làm chứng nên có căn cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông D với bà M như ông D trình bày. Mặt khác, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần cho bà M, nhưng bà M không đến và không trình bày ý kiến hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, điều này thể hiện bà M không có thiện chí hoà giải, đoàn tụ và không có giải pháp hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa ông D và bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông D yêu cầu ly hôn với bà M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Xét yêu cầu nuôi con của ông Trần Văn D: Nhận thấy, ông D và bà M có 01 người con chung tên Trần Văn L, sinh ngày 23/01/2013, hiện đang do ông D chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, không yêu cầu bà M cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi ông D và bà M ly thân, cháu L được ông D chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, đảm bảo điều kiện vật chất và tinh thần để cháu L phát triển toàn diện. Mặt khác, cháu L có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với ông D. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu L cho ông D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận ông D không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Bà M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Ông D trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà M không phải chịu án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn D đối với bà Hà Thị Ngọc M. Ông Trần Văn D được ly hôn với bà Hà Thị Ngọc M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Văn L, sinh ngày 23/01/2013 cho ông Trần Văn D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông Trần Văn D không yêu cầu bà Hà Thị Ngọc M cấp dưỡng nuôi con. Bà Hà Thị Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, ông Trần Văn D và thành viên gia đình không được cản trở bà Hà Thị Ngọc M thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Ông Trần Văn D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Trần Văn D trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Trần Văn D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012620 ngày 29/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng THADS khu vực 12 – Tây Ninh). Bà Hà Thị Ngọc M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Ông Trần Văn D và bà Hà Thị Ngọc M có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 12 – Tây Ninh;
- UBND xã Bình Thạnh, thị xã Trảng Bàng (số: 61, quyền số 01/2004 ngày 25/8/2004), nay là UBND xã Phước Chi, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trang Thái Châu